

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH****Câu 1: Động vật nguyên sinh có cấu tạo từ:**

- A. 1 tế bào B. 2 tế bào C. 3 tế bào D. Không có tế bào

câu 2: Trùng giày di chuyển được là nhờ:

- A. Nhờ có roi. B. Có vây bơi.
C. Lông bơi phủ khắp cơ thể. D. Có lông và có roi bơi

Câu 3: Cấu tạo tế bào cơ thể trùng roi có?

- A. 1 nhân B. 2 nhân C. 3 nhân D. Không có nhân

Câu 4: Cách sinh sản của trùng roi:

- A. Phân đôi theo chiều dọc cơ thể. B. Phân đôi theo chiều ngang cơ thể.
C. Tiếp hợp D. Sinh sản hữu tính

Câu 5: Tập đoàn trùng roi là?

- A. Nhiều tế bào liên kết lại. B. Một cơ thể thống nhất
C. Một tế bào. D. Nhiều tế bào riêng rẽ

Câu 6: Môi trường sống của trùng roi xanh là:

- A. Ao hồ B. Biển C. Sầm ruộng. D. Cơ thể sống.

Câu 7: Sự trao đổi khí của trùng roi với môi trường qua bộ phận:

- A. Màng cơ thể B. Nhân. C. Điểm mắt. D. Hạt dự trữ.

Câu 8: Trùng roi di chuyển bằng cách?

- A. Xoáy roi vào nước B. Sâu đo C. Uốn lượn

Câu 9: Động vật nguyên sinh sống kí sinh trong cơ thể người là:

- A. Trùng roi B. Trùng kiết lị C. Trùng giày D. Trùng kiết lị và trùng sốt rét

Câu 10: Nơi kí sinh của trùng sốt rét là:

- A. Phổi người. B. Ruột động vật. C. Máu người D. Khắp mọi nơi trong cơ thể.

Câu 11: Nơi kí sinh của trùng kiết lị là:

- A. Bạch cầu B. Ruột người C. Hồng cầu D. Máu

Câu 12: Hình thức sinh sản của trùng giày là:

- A. Phân đôi theo chiều ngang. B. Phân đôi theo chiều dọc.
C. Tiếp hợp. D. Phân đôi và tiếp hợp

Câu 13: Thức ăn của trùng giày là:

- A. Vi khuẩn, vụn chất hữu cơ B. Tảo C. Cá D. Động vật nguyên sinh

Câu 14: Trùng kiết lị giống với trùng biến hình ?

- A. Có di chuyển tích cực. B. Hình thành bào xác.
C. Có chân giả ngắn D. Sống tự do ngoài thiên nhiên

Câu 15: Trùng kiết lị khác với trùng biến hình ?

- A. Chỉ ăn hồng cầu B. Không có hại cho con người
C. Có chân giả dài D. Sống tự do ngoài thiên nhiên

Câu 16: Trùng sốt rét có lối sống:

- A. Bắt mồi. B. Tự dưỡng. C. Kí sinh. D. Tự dưỡng và bắt mồi.

NGÀNH RUỘT KHOANG**Câu 17: Cấu tạo thành cơ thể của Thủy tức gồm.**

- A. Một lớp tế bào.
B. Ba lớp tế bào xếp xít nhau.
C. Hai lớp tế bào, giữa hai lớp tế bào là tầng keo mỏng
D. Gồm nhiều lớp tế bào, xen kẽ các tầng keo mỏng.

Câu 18: Thủy tức tiêu hoá con mồi nhờ loại tế bào:

- A. Tế bào hình sao. B. Tế bào hình túi có gai cảm giác
C. Tế bào có hai roi và không bào tiêu hoá D. Tế bào mô bì – cơ

Câu 19: Thủy tức bắt mồi và tự vệ nhờ loại tế bào:

- A. Tế bào hình sao. B. Tế bào hình túi có gai cảm giác
C. Tế bào có hai roi và không bào tiêu hoá D. Tế bào mô bì – cơ

Câu 20: Thủy tức sinh sản bằng hình thức nào?

- A. Thủy tức sinh sản vô tính đơn giản.
B. Thủy tức sinh sản hữu tính
C. Thủy tức sinh sản kiểu tái sinh.
D. Thủy tức vừa sinh sản vô tính vừa hữu tính và có khả năng tái sinh.

Câu 21: Thủy tức có cơ quan hô hấp là:

- A. Mang
B. Phổi
C. Chưa có cơ quan hô hấp
D. Hệ thống ống khí và túi khí

Câu 22: Thủy tức sinh sản bằng những hình thức nào?

- A. Mọc chồi và sinh sản hữu tính
B. Tái sinh và phân đôi
C. Mọc chồi, sinh sản hữu tính và tái sinh
D. Phân đôi, sinh sản hữu tính và tái sinh

Câu 23: Hải quỳ có lối sống?

- A. Cá thể. B. Tập trung một số cá thể
C. Tập đoàn nhiều cá thể liên kết D. Tập trung một số các thể sống trôi nổi.

Câu 24: Đặc điểm của sứa khác với thủy tức là:

- A. Cơ thể đối xứng tỏa tròn B. Có tế bào tự vệ
C. Di chuyển bằng dù D. Thành cơ thể có 2 lớp tế bào

Câu 25: Cơ thể của Sứa có dạng?

- A. Hình trụ B. Hình dù C. Hình cầu D. Hình que

CÁC NGÀNH GIUN

Câu 26. Vòng đời của sán lá gan có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.
B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.
C. Sán trưởng thành kết bào xác vào mùa đông.
D. Ấu trùng sán có khả năng hoá sán trưởng thành cao.

Câu 27. Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau

Sán lá gan đẻ nhiều trứng, trứng gặp nước nở thành ấu trùng ...(1)... và sau đó ấu trùng kí sinh trong ...(2)..., sinh sản cho ra nhiều ấu trùng ...(3)..., loại ấu trùng này rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo, cây thủy sinh và biến đổi trở thành ...(4).... Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan.

- A. (1) : có đuôi ; (2) : cá ; (3) : có lông bơi ; (4) : trứng sán
B. (1) : có đuôi ; (2) : ốc ; (3) : có lông bơi ; (4) : kén sán
C. (1) : có lông bơi ; (2) : ốc ; (3) : có đuôi ; (4) : kén sán
D. (1) : có lông bơi ; (2) : cá ; (3) : có đuôi ; (4) : trứng sán

Câu 28. Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng ?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.
C. Sán lá gan không có giác bám.
D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

Câu 29. Vật chủ trung gian thường thấy của sán lá gan là gì?

- A. Cá. B. Ốc C. Trai. D. Hến.

Câu 30. Loài sán nào dưới đây trên thân gồm hàng trăm đốt sán, mỗi đốt đều mang một cơ quan sinh dục lưỡng tính?

- A. Sán lá gan. B. Sán lá máu.
C. Sán bã trầu. D. Sán dây.

Câu 31. Loài giun dẹp nào dưới đây sống kí sinh trong máu người ?

- A. Sán bã trầu. B. Sán lá gan.
C. Sán dây. D. Sán lá máu.

Câu 32. Trong các biện pháp sau, có bao nhiêu biện pháp được sử dụng để phòng ngừa giun sán cho người ?

1. Ăn thức ăn nấu chín, uống nước đun sôi để nguội.
2. Sử dụng nước sạch để tắm rửa.
3. Mặc màn khi đi ngủ.
4. Không ăn thịt lợn gạo.
5. Rửa sạch rau trước khi chế biến.

Số ý đúng là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 33: Nơi sống của giun đất:

- A. Sống ở khắp nơi B. Sống ở tầng đất trên cùng
C. Thích sống nơi đủ độ ẩm, tối xốp D. Sống nơi đủ độ ẩm

Câu 34: Cơ quan tiêu hoá của giun đất phân hoá thành:

- A. Miệng, hầu, thực quản B. Ruột, ruột tịt, hậu môn
C. Điều, dạ dày D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 35: Đặc điểm sinh sản của giun đất.

- A. Đã phân tính có đực, có cái B. Khi sinh sản cần có đực có cái
C. Lưỡng tính sinh sản cần sự thụ tinh chéo D. Khi sinh sản không cần sự thụ tinh chéo

Câu 36 : Màu của giun đất có màu gì?

- A. Không màu vì chưa có huyết sắc tố B. Có màu đỏ vì có huyết sắc tố
C. Có màu vàng vì giun đất sống trong đất ít ôxi D. Có màu đỏ vì giun đất sống trong đất ít ôxi

Câu 37: Khoang trống giữa thành cơ thể và thành ruột của giun đất là:

- A. Nơi chứa máu B. Xoang cơ thể chính thức C. Xoang cơ thể chưa chính thức

Câu 38: Vai trò của giun đất đối với trồng trọt là:

- A. Đất tối xốp hơn do quá trình đào hang và vận chuyển
B. Phân giun đất có tác dụng làm tăng tính chịu nước, tăng lượng mùn và các muối khoáng
C. Phân giun đất có tác dụng làm tăng hoạt động của vi sinh vật
D. Tất cả các ý đều đúng

PHẦN 2: TỰ LUẬN

1. Đặc điểm chung của động vật nguyên sinh?

- Cơ thể có kích thước hiển vi, chỉ là 1 tế bào nhưng đảm nhận mọi chức năng
- Dinh dưỡng: phần lớn dị dưỡng
- Di chuyển bằng chân giả, roi bơi, lông bơi hay tiêu giảm.
- Sinh sản vô tính kiểu phân đôi.

2. Đặc điểm chung và vai trò của một số đại diện ngành ruột khoang?

Đặc điểm chung

- Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- Ruột dạng túi
- Thành cơ thể có 2 lớp tb, giữa 2 lớp là tầng keo
- Tự vệ, tấn công bằng tế bào gai.

Vai trò

- Trong tự nhiên:
 - + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên
 - + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển và đại dương
- Đối với đời sống:
 - + Làm đồ trang trí, trang sức
 - + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi
 - + Làm thực phẩm có giá trị
 - + Hóa thạch san hô là vật chỉ thị trong nghiên cứu địa chất
- Tác hại:
 - + Một số loài gây ngứa và độc cho con người
 - + Tạo đá ngầm → ảnh hưởng đến giao thông.

3. Cấu tạo sán lá gan thích nghi đời sống kí sinh?

- Cơ thể hình lá, dẹp, dài 2 - 5 cm, màu đỏ máu, mắt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển.
Cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng bụng phát triển → luồn lách trong môi trường kí sinh.

Cơ quan sinh dục phát triển: lưỡng tính. Cơ quan sinh dục đực, cơ quan sinh dục cái và tuyến noãn hoàng.
Phần lớn có cấu tạo dạng ống phân nhánh chằng chịt
Cơ quan tiêu hóa phát triển.

4. Đặc điểm cấu tạo ngoài và cấu tạo trong của giun đũa?

Cấu tạo ngoài:

- + Hình trụ dài 25 cm
- + Lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể → giúp giun không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa trong ruột non người.

Cấu tạo trong:

- + Thành cơ thể có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển
- + Chưa có khoang cơ thể chính thức
- + Ống tiêu hóa thẳng: từ lỗ miệng → hậu môn
- + Tuyến sinh dục dài và cuộn khúc.